

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: AMMONIUM SULFATE – DẠNG RẮN

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Ammonium sulfate
- Tên khác:** $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$
- CAS:** 7783-20-2
- Công thức:** $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$
- Dạng:** Tinh thể rắn màu trắng
- Sử dụng đã định:** Thuốc thử trong phòng thí nghiệm, phân bón, sản xuất hóa chất
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS07: Kích ứng (Skin Irrit. 2 – H315; Eye Irrit. 2 – H319)
- Biểu tượng GHS:**
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H315: Gây kích ứng da
 - H319: Gây kích ứng mắt
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa tay kỹ sau khi thao tác
 - P280: Mang găng tay và kính bảo hộ
 - P302+P352: Nếu tiếp xúc da: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng
 - P305+P351+P338: Nếu tiếp xúc mắt: Rửa mắt cẩn thận bằng nhiều nước

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ
Ammonium sulfate $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$	7783-20-2	$\geq 95\%$

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa vùng da với nhiều nước ít nhất 15 phút
- Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay bằng nước ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế nếu cần
- Nuốt phải:** Không gây nôn, uống nhiều nước, theo dõi y tế

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Dùng nước, CO_2 , bột khô hoặc bột để dập lửa xung quanh
- Tránh nhiệt độ cao, hóa chất có tính oxi hóa mạnh
- Bảo hộ: quần áo chống cháy, kính bảo hộ, mặt nạ phòng độc

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Tránh tiếp xúc trực tiếp
- Thu gom hóa chất tràn, cho vào thùng chứa an toàn
- Không xả trực tiếp ra môi trường

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, thông gió tốt

- **Bảo quản:** Nơi khô, mát, tránh ẩm, kín, tránh nhiệt độ cao
- **Không tương thích:** Chất khử mạnh, bazơ mạnh, oxi hóa mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Hô hấp:** Mặt nạ lọc bụi
- **Tay:** Găng tay chống hóa chất
- **Mắt:** Kính bảo hộ kín
- **Da:** Quần áo bảo hộ kín

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Tinh thể rắn
Màu sắc	Trắng
Mùi	Không mùi
Nhiệt độ nóng chảy	235°C (phân hủy)
Độ tan trong nước	76 g/100 mL (20°C)
pH (1% dung dịch)	~5.5–6.5

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình thường
- Tránh nhiệt độ cao, oxi hóa mạnh
- Phản ứng với bazơ mạnh và chất oxi hóa mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): 2,170 mg/kg
- Gây kích ứng da và mắt nếu tiếp xúc trực tiếp

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Không gây độc nghiêm trọng với môi trường
- Hòa tan trong nước, không tích lũy sinh học

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom hóa chất còn lại, xử lý theo quy định địa phương
- Tránh xả trực tiếp ra môi trường

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không yêu cầu (không nguy hiểm)
- **Loại nguy hiểm:** Không áp dụng
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
- Là hóa chất ít nguy hại, dạng rắn

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: Sigma-Aldrich SDS, PubChem
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý

- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế